

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/HS-ST
Ngày 14-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Đường

Ông Nguyễn Tất Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:

1. Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên sơ cấp, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước (Theo Quyết định về việc biệt phái Kiểm sát viên số 181/QĐ-VKS ngày 29/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước).

2. Ông Nguyễn Phúc Vinh - Kiểm sát viên sơ cấp, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2022/TLST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2022/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2022, đối với bị cáo:

Phùng Ngọc T (Tên gọi khác: T Khào), sinh năm 1982 tại Thừa Thiên – Huế;

HKTT: Thôn L, xã N, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, tạm trú tại: khu phố 2, phường M, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: xây dựng; Trình độ văn hoá (học vấn) 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phùng Dương C (đã chết) và bà Lê Thị N; Có vợ tên Lê Thị Lộc L và 02 người con, sinh năm 2003 và năm 2010; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

1. Ông Phan Văn L – sinh năm 1980. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 3, khu phố 2, phường M, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

2. Ông Lê H – sinh năm 1972. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố 2, phường M, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Người chứng kiến:

- Ông Nguyễn Đ – sinh năm 1964

Địa chỉ: Tổ 3, khu phố 2, phường M, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 50 phút ngày 25/11/2021, Phan Văn L đến nhà của Phùng Ngọc T để đòi lại tiền mà T đã nợ L trước đó. Khi đến cổng nhà của T ở đường T, khu phố 2, phường M, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, L gọi T ra ngoài nói chuyện đòi tiền. Quá trình nói chuyện, giữa T và L xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xô sát với nhau, L dùng tay đẩy T ra và đánh T nhưng không trúng. Bị L đánh, T tức giận nên đi vào trong nhà lấy 01 khẩu súng loại Rulo đã cất giấu trước đó ra gần chỗ L đứng bắn 01 phát chỉ thiên (bắn lên trời) để hù dọa và đuổi L về. Khi nghe tiếng súng nổ anh Lê H ở gần nhà T ra can ngăn T và L. Lúc này, T tiếp tục bắn 01 phát lên trời nữa rồi đi vào nhà. Sau đó, L đến cơ quan Công an để trình báo sự việc.

Tang vật chứng thu giữ: 01 khẩu súng ổ quay tự chế bằng kim loại màu trắng, ốp báng súng bằng nhựa màu vàng, ổ quay có 06 ổ chứa đạn, nòng súng dài 02 cm, đường kính trong nòng 06mm; 18 viên đạn cỡ (5,6x15,6) mm, đầu đạn màu đen, đáy đạn ký hiệu C; 03 vỏ đạn đã bắn cỡ (5,6x15,6) mm, đáy đạn ký hiệu C; 01 hộp đựng súng bằng nhựa màu đen, rộng 11,5cm, dài 17 cm, dày 4,5cm.

Theo Kết luận giám định số 123/C09B ngày 17/12/2021 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận khẩu súng nêu trên là vũ khí quân dụng; 33 viên đạn và 03 vỏ đạn là vỏ đạn và viên đạn thể thao cỡ (5,6x15,6)mm không phải là vũ khí quân dụng.

Ngày 04/5/2022, Phùng Ngọc T bị khởi tố bị can để điều tra.

Bản cáo trạng số 34/CT-VKSBP-P1 ngày 29/7/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã truy tố Phùng Ngọc T về “Tội tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo khoản 1 Điều 304 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo T về Tội tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 304; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T từ 12 (Mười hai) tháng đến 14 (Mười bốn) tháng tù.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 khẩu súng ổ quay tự chế bằng kim loại màu trắng, ốp báng súng bằng nhựa màu vàng, ổ quay có 06 ổ chứa đạn, nòng súng dài 02 cm, đường kính trong nòng 06mm; 18 viên đạn cỡ (5,6x15,6) mm, đầu đạn màu đen, đáy đạn ký hiệu C; 03 vỏ đạn đã bắn cỡ (5,6x15,6) mm, đáy đạn ký hiệu C; 01 hộp đựng súng bằng nhựa màu đen, rộng 11,5cm, dài 17 cm, dày 4,5cm. Giao Ban chỉ huy quân sự tỉnh Bình Phước quản lý, tiêu hủy theo qui định.

- Bị cáo T tự bào chữa: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố, không có ý kiến tranh luận.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người làm chứng, người chứng kiến không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người làm chứng, người chứng kiến, Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 20 giờ 50 phút ngày 25/11/2021, anh Phan Văn L đến nhà Phùng Ngọc T để đòi tiền nợ nhưng T không trả. Để hù dọa đuổi L về T đã sử dụng 01 khẩu súng là vũ khí quân dụng cất giấu trong nhà từ trước bắn lên trời 02 viên đạn. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành Tội tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng nên Viện kiểm sát truy tố và luận tội bị cáo theo khoản 1 Điều 304 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến chế độ quản lý vũ khí quân dụng của Nhà nước, ngoài ra còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội ở địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do đó, việc áp dụng hình phạt tù tương xứng với hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra là cần thiết, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật và phòng ngừa chung.

[4] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “Phạm tội lần đầu”, “Chưa có tiền án, tiền sự” quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Đối với Trần Phát L1: Quá trình điều tra, truy tố, T khai khẩu súng mà T tàng trữ, sử dụng là do Trần Phát L1 cho T vào khoảng tháng 09/2021. Tuy nhiên, qua làm việc L1 không thừa nhận mà cho rằng T đang nợ tiền liên quan đến việc xây nhà cho L1 nên đã bịa đặt việc L1 cho T khẩu súng để hại L1. Do chưa đủ tài liệu, chứng cứ nên không có cơ sở để xử lý đối với Trần Phát L1.

Đối với Nguyễn Đ – Trưởng khu phố 2, phường M, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước: Là người tham gia làm việc, thu giữ khẩu súng mà T sử dụng ngày 25/11/2021, trong quá trình thu giữ súng thì không cẩn thận đã để xảy ra cướp cò nổ 01 phát đạn. Việc súng nổ không phải do Đ cố ý bóp cò nên không đặt ra vấn đề xử lý đối với Đ.

[7] Về vật chứng vụ án:

01 khẩu súng ổ quay tự chế bằng kim loại màu trắng, ốp báng súng bằng nhựa màu vàng, ổ quay có 06 ổ chứa đạn, nòng súng dài 02 cm, đường kính trong nòng 06mm; 18 viên đạn cỡ (5,6x15,6) mm, đầu đạn màu đen, đáy đạn ký hiệu C; 03 vỏ đạn đã bắn cỡ (5,6x15,6) mm, đáy đạn ký hiệu C; 01 hộp đựng súng bằng nhựa màu đen, rộng 11,5cm, dài 17 cm, dày 4,5cm. Các vật chứng này đã nhập kho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Bình Phước. Đây là những vật thuộc loại nhà nước cấm tàng trữ, sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh, hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với qui định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 38, 50 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Phùng Ngọc T (Tên gọi khác: T Khào) phạm “Tội tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”.

Xử phạt bị cáo Phùng Ngọc T 01 (Một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu và giao cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Bình Phước tiêu hủy 01 khẩu súng ổ quay tự chế bằng kim loại màu trắng, ốp báng súng bằng nhựa màu vàng, ổ quay có 06 ổ chứa đạn, nòng súng dài 02 cm, đường kính trong nòng 06mm; 18 viên đạn cỡ (5,6x15,6) mm, đầu đạn màu đen, đáy đạn ký hiệu C; 03 vỏ đạn đã bắn cỡ (5,6x15,6) mm, đáy đạn ký hiệu C; 01 hộp đựng súng bằng nhựa màu đen, rộng 11,5cm, dài 17 cm, dày 4,5cm.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan an ninh điều tra – Công an tỉnh Bình Phước và Đại đội kho Vũ khí – Đạn Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Bình Phước ngày 08/7/2022).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 14/9/2022).

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
- Bị cáo;;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt